

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2018/DS-PT**  
Ngày: 18-10-2018  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Kim Rết

Các thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương  
Ông Lê Văn Quý

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Đ N.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ N:** Bà Nguyễn Thị Trâm -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đ N xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm  
2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân  
dân huyện VC bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2018/QĐPT-DS  
ngày 07 tháng 8 năm 2018, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số  
44/TB-TA ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số  
357/2018/QĐ-PT ngày 18/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ 15, khu phố 2, phường L B, Thành phố B H, tỉnh Đ N.

- *Bị đơn:*

+ Ông **Lê Văn G**, sinh năm 1962;

+ Bà **Dương Thị Y**, sinh năm 1967;

+ Chị **Lê Thị Hoàng O**, sinh năm 1986;

Cùng địa chỉ: ấp BC, xã PL, huyện VC, tỉnh Đ N.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Văn G, chị Lê Thị  
Hoàng O: Ông **Nguyễn Đức D**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số 14, đường HTK, phường HP, Quận 9, Thành phố HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1945;

Địa chỉ: ấp BC, xã PL, huyện VC, tỉnh Đ N.

+ Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp BC, xã PL, huyện VC, tỉnh Đ N.

+ Bà **Lê Thị Lệ T**, sinh năm 1969;

+ Ông **Nguyễn Ngọc Nhựt**, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số nhà 57, tổ 2, ấp BC, xã PL, huyện VC, tỉnh Đ N.

+ Ông **Phạm Ngọc Quang**, sinh năm 1961;

+ Bà **Đào Thị Nga**, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: ấp BC, xã PL, huyện VC, tỉnh Đ N.

Người làm chứng: Anh **Đỗ Quang L1**

Địa chỉ: Khu phố 3, phường TH, Thành phố B H, tỉnh Đ N.

-*Người kháng cáo:* bị đơn – ông Lê Văn G.

(Anh L, bà Y, ông G, anh L1 có mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo án sơ thẩm nội dung vụ án tóm tắt như sau:***

- *Nguyên đơn anh L trình bày:*

Ngày 17/9/2015, anh cho gia đình ông Lê Văn G (chồng) và bà Dương Thị Y (vợ) cùng con gái là chị Lê Thị Hoàng O (sau đây viết tắt là gia đình bà Y) vay số tiền là 476.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tháng, tiền lãi là 15.000.000 đồng/tháng. Để làm tin, gia đình bà Y cầm cố 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 900247 ngày 03/11/1999 do Ủy ban nhân dân huyện VC cấp cho ông Nguyễn Văn N và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 900232 ngày 03/11/1999 do Ủy ban nhân dân huyện VC cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945. Hai thửa đất này bà Y nói đã mua nhưng chưa sang tên. Khi vay tiền hai bên có làm “Hợp đồng vay tiền và cầm cố tài sản”, hợp đồng có 02 người làm chứng là ông Hồ Ngọc U và ông Đỗ Quang L1. Đồng thời gia đình bà Y có làm Giấy cam kết trả tiền ngày 17/9/2015 với nội dung ngày 17/10/2015 gia đình bà Y sẽ trả cho anh số tiền là 341.600.000 đồng và ngày 30/5/2016 sẽ trả cho anh số tiền là 150.000.000 đồng. Từ khi làm hợp vay cho đến nay, gia đình bà Y không trả tiền mặc dù anh đã đến nhà để yêu cầu trả tiền rất nhiều lần.

Nay anh L yêu cầu gia đình bà Y trả cho anh số tiền 476.000.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi suất; anh L đồng ý trả lại 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Y.

*-Đại diện theo ủy quyền của ông G, chị O là ông Nguyễn Đức D trình bày:*

Khoảng năm 2014, bà Dương Thị Y hùn vốn làm ăn với ông Hồ Ngọc U để mua vườn xoài và vườn bưởi. Bà Y có thể chấp hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn N và hộ bà Nguyễn Thị L để vay tiền. Hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị Lệ T (là người mua đất nhà bà L) đưa cho bà Y để đi thế chấp vay tiền về sử dụng chung, không biết thỏa thuận vay bao nhiêu và sử dụng vào mục đích gì. Sau đó gia đình ông G khó khăn, không thể trả tiền hàng tháng được nên anh L đến đập phá quán ăn của gia đình bà Y. Ngày 17/9/2015, gia đình ông G có mượn của ông Đỗ Quang L1 số tiền là 290.000.000 đồng và hẹn anh L, ông Uyên đến nhà của ông Luận (là nơi ông bà thuê tại Biên Hòa để bán quán cơm) để trả tiền và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi trả số tiền là 290.000.000 đồng thì anh U nói phải trả thêm số tiền lãi là 150.000.000 đồng mới trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà Y và ông U tính toán số tiền nợ gốc, lãi còn lại là 476.000.000 đồng.

Ông Gv à chị O thừa nhận hợp đồng vay tiền và cầm cố là do chính chị O viết, chữ ký trong hợp đồng đúng là của ông G và chị O. Tuy nhiên, việc ký vào hợp đồng là do anh L bắt buộc ông G, chị O ký vào hợp đồng và giấy cam kết nếu không sẽ giết cháu ngoại ông và nói ký hình thức, không thừa kiện gì. Khi ký hợp đồng có ông Đỗ Quang L1, ông Hồ Ngọc U chứng kiến và ký tên vào hợp đồng là người làm chứng. Việc lập hợp đồng vay chỉ là cản trở nợ giữa ông Uyên và ông L chứ bị đơn không vay tiền của ông L, ông G và chị O không vay tiền nên không đồng ý trả số tiền 476.000.000 đồng cho nguyên đơn. Việc trả lãi của gia đình bà Y cho ông L không có chứng cứ và cũng không yêu cầu xem xét.

Đối với việc ông L đề nghị trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông G, chị O, bà Y thì phía bị đơn đồng ý.

*-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc Q trình bày:*

Năm 2014, vợ chồng ông giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Đặng Văn N cho bà Dương Thị Y để nhờ bà Y thế chấp vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất vay là 5%/tháng, vợ chồng ông đóng tiền lãi cho bà Y, hẹn đến khi nào có tiền sẽ trả nợ gốc để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi vay, giữa vợ chồng ông và bà Y không làm giấy tờ gì hết. Khi vay được khoảng 02 tháng, bà Y đến nhà nói làm Giấy ủy quyền cho bà Dương Thị Y để bà đi cầm cố chỗ khác vay thêm tiền cho làm ăn và lãi suất là 3%/tháng. Sau khi làm giấy ủy quyền giao cho bà Y thì bà Y không vay thêm tiền, cũng không trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Vợ chồng ông đã nhiều lần liên lạc với bà Y để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không được.

Vợ chồng ông không biết gì về việc vay tiền và thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa bà Dương Thị Y, ông Lê Văn G, chị Lê Thị Hoàng O với anh Nguyễn Thanh L.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không có ý kiến gì, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Lệ T trình bày:*

Tháng 3/2002, vợ chồng bà mua của ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1929 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945 thửa đất số 107, tờ bản đồ số 62 xã PL được Ủy ban nhân dân huyện VC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 900232 ngày 03/11/1999 cho hộ bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945, gia đình bà giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chưa đi sang tên. Hiện nay, gia đình bà đang trực tiếp sử dụng thửa đất này. Ngày 04/9/2014, bà đưa cho bà Dương Thị Y giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, đơn xin xác nhận chuyển nhượng đất bản phô tô để nhờ vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng. Bà đã nhận số tiền là 18.800.000 đồng từ bà Y (trừ đi tiền lãi tháng đầu tiên). Bà không biết bà Y thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình cho ai để vay tiền.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không có ý kiến gì, không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà L, ông Nguyễn Ngọc N và bà Đào Thị N đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

-Tại Bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện VC đã áp dụng các Điều 25, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Văn G, bà Dương Thị Y, chị Lê Thị Hoàng O phải có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền 476.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Anh Nguyễn Thanh L phải có trách nhiệm trả lại cho bà Dương Thị Y, ông Lê Văn G, chị Lê Thị Hoàng O Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 900247 ngày 03/11/1999 của Ủy ban nhân dân huyện VC cấp cho ông Nguyễn Văn N, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00963/QSĐĐ/QĐ547/QĐUBH và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 900232 ngày 03/11/1999 của Ủy ban nhân dân huyện VC cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00948/QSĐĐ/QĐ574/QĐUBH.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn G, bà Dương Thị Y, chị Lê Thị Hoàng O phải chịu số tiền án phí là 23.040.000 đồng (hai mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho anh Nguyễn Thanh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.520.000 đồng (mười một triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 009887 ngày 27/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VC.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

- Ngày 12/02/2018, bị đơn ông Lê Văn G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Lý do Hội đồng xét xử không lấy lời khai của bà Dương Thị Y mà buộc các bị đơn phải cùng trả nợ cho ông L là không đúng, vì thực tế chỉ có bà Y vay tiền của ông L và bà Y cũng sử dụng toàn bộ số tiền vay. Yêu cầu Tòa án hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ N:*

+ Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về đường lối giải quyết vụ án: Theo lời khai của chị Lê Thị Lệ T (bút lục 37, 38, 39) và tại phiên tòa hôm nay, bà Y cũng khai bà L đã chết từ trước năm 2008, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ nội dung này mà đưa bà L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông G làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục chung.

[2] Về xác định tư cách tố tụng của đương sự:

- Tại cấp sơ thẩm bà Y là bị đơn không có mặt để Tòa án lấy lời khai. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y có mặt và khẳng định: bà không vay tiền của anh L mà bà có quan hệ làm ăn với anh Hồ Ngọc U nên bà nhiều lần vay tiền và nợ tiền anh U. Ngày 17/9/2015, tại nhà của anh Đỗ Quang L1 (là chủ nhà bà đang thuê để bán cơm), bà có vay anh L1 số tiền 290.000.000 đồng để trả nợ cho anh U. Lúc đó có mặt anh L1, anh U, anh L, sau khi tính toán anh L ghi là bà có nợ anh L số tiền 476.000.000 đồng và yêu cầu bà, ông G và chị O ký vào tờ giấy “hợp đồng vay tiền và cầm cố tài sản”, chứ thực chất bà Y không vay tiền anh L. Việc bà viết giấy nợ là do anh L nhiều lần đến quán cơm của bà gây sự, đập phá quán, ép bà phải viết giấy nợ. Bà Y cũng trình bày thời gian qua bà bị bệnh u não phải đi điều trị, gia đình giấu bà về việc anh L đi thừa kiện vì sợ ảnh hưởng đến sức khỏe của bà, do đó bà không biết và không thể có mặt tại cấp sơ thẩm.

Lời trình của bà Y phù hợp với nhân chứng là anh Đỗ Quang L1. Anh L1 xác nhận ngày 17/9/2015 anh có cầm số tiền 290.000.000 đồng cho bà Y vay, sau đó bà Y đưa cho ai thì anh không biết, anh cũng không thấy anh L đưa tiền cho bà Y, sau khi hai bên nói qua lại về số tiền nợ và viết giấy thì anh có ký vào với tư cách là người làm chứng.

Như vậy qua lời trình bày của bà Y và nhân chứng là anh L1 tại phiên tòa cho thấy: “hợp đồng vay tiền và cầm cố tài sản” đối với số tiền 476.000.000 đồng mà anh L khởi kiện có liên quan đến anh U, nên cần phải xác định anh U là “người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan” trong vụ án chứ không phải nhân chứng, đây là tình tiết mới làm thay đổi tư cách tố tụng của đương sự.

- Cũng theo lời khai của các đương sự, bà Nguyễn Thị L là người được cấp sơ thẩm xác định là “người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan” trong vụ án đã chết, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Y vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[3] Xét kháng cáo của ông G về việc ông không đồng ý trả tiền của anh L cũng như không có trách nhiệm gì đối với số nợ của bà Y: Qua lời khai của các nguyên đơn, bị đơn và nhân chứng là anh Đỗ Quang L1 cho thấy: Tại phiên tòa anh L khẳng định bà Y, ông G và chị O có vay anh số tiền 476.000.000 đồng. Chứng cứ anh L đưa ra là “hợp đồng vay tiền và cầm cố tài sản” và giấy cam kết trả tiền đề ngày 17/9/2015. Anh đã giao cho bà Y, ông G và chị O số tiền 476.000.000 đồng nên gia đình bà Y đã ký vào giấy vay tiền và giấy cam kết trả tiền. Lời khai của anh L không được bà Y thừa nhận và có nhiều mâu thuẫn, vì trong giấy cam kết có ghi số tiền lãi 15.600.000 đồng, trong khi đó anh L trình bày lãi suất cho vay là 5% một tháng là không trùng khớp. Anh L1 là nhân chứng ký vào hợp đồng vay tiền khai phù hợp với lời trình bày của bà Y. Anh cũng trình bày khi anh đến hai bên đã tính toán số nợ còn lại rồi mới viết giấy vay nợ. Anh có ký làm chứng vào giấy vay tiền, bản thân anh lúc đó đưa cho bà Y 290.000.000 đồng để đưa cho anh U và anh không thấy anh L đưa cho bà Y 476.000.000 đồng.

Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm, ông G khai ông và bà Y có chung sống một thời gian và có một con chung là chị Lê Thị Hoàng O sau đó cả hai đã ly thân hơn 20 năm nay, ông và con gái không biết việc làm ăn và nợ tiền của bà Y, ông và chị O ký vào giấy vay tiền và cam kết trả nợ là do bị anh L ép buộc.

Các nội dung trên chưa được cấp sơ thẩm làm rõ nên chưa đủ cơ sở để kết luận ông G và chị O có vay tiền của anh L hay không. Mặt khác như đã phân tích ở trên việc vay mượn tiền có liên quan đến anh Hồ Ngọc U nên cần được đối chất giữa anh U với ông G, bà Y, chị O để làm rõ, như vậy kháng cáo của ông G là có cơ sở nên chấp nhận.

Như đã nhận định ở trên, do có tình tiết mới làm thay đổi tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án; án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng; ngoài ra có nhiều tình tiết trong vụ án chưa được xác minh làm rõ, do đó cần hủy án

sơ thẩm và giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm để xem xét, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng:

+ Án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

+ Án phí phúc thẩm: ông G không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

[5] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn G

*Phần tuyên xử:*

1. Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 01/02/2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân huyện VC xét xử tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn anh Nguyễn Thanh L với bị đơn ông Lê Văn G, bà Dương Thị Y, chị Lê Thị Hoàng O; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện VC để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn G không phải chịu án phí phúc thẩm, ông G được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 000961 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VC.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát tỉnh (01);
- Tòa án huyện (01);
- Thi hành án huyện (01);
- Dương sự;
- Lưu (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Kim Rết**